

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST
Ngày: 09-3-2021
V/v Tranh chấp liên quan đến tài sản bị
cưỡng chế để thi hành án theo quy định
của pháp luật về thi hành án dân sự

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Ứng.

Ông Võ Văn Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh T – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 02 và ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2020/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020, Thông báo dời ngày mở phiên tòa số 01/2021/TB-DPT ngày 18 tháng 01 năm 2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/2021/TB-MPT ngày 19 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1968.

+ Ông Ngô Văn A, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Ngô Thị Ngọc D, sinh năm 1986.

+ Anh Ngô Kim T, sinh năm 1988.

+ Anh Ngô Văn C, sinh năm 1991.

+ Anh Ngô Minh T1, sinh năm 1998.

+ Chị Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1990.

+ Cháu Ngô Gia H, sinh năm 2010.

Đại diện theo pháp luật của cháu H: Anh Ngô Kim T và chị Nguyễn Thị Tuyết L.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

+ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Chương – Chi cục trưởng.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc Tinh – Phó Chi cục trưởng.

Địa chỉ: Ấp Tân Phú, xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

(Bà T, bà Tinh có mặt tại phiên tòa ngày 04/02/2021 và xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 09/3/2021, các đương sự khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Trước đây bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Ngô Văn A có nợ bà T một số tiền. Năm 2017, bà T khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu giải quyết. Ngày 25/01/2018, theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2018/QĐST-DS của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông đã buộc bà D và ông A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền 18.440.000 đồng, thực hiện một lần vào ngày 24/02/2018. Tuy nhiên, sau khi có quyết định của Tòa án, bà D và ông A vẫn không chịu thực hiện việc trả tiền cho bà T. Do đó, bà T làm đơn yêu cầu thi hành án. Theo Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 296/QĐ-CCTHADS ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, bà D và ông A phải liên đới trả cho bà T số tiền nêu trên và lãi chậm thi hành án. Bà D, ông A nhiều lần hứa hẹn nhưng không thực hiện. Theo Thông báo số 10/TB-CCTHADS ngày 14/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, bà T khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản trong hộ của ông A và bà D là quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 1.496m², thuộc thửa 121, tờ bản đồ PTC4, đất lúa, đất tại ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00603 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú Đông, cấp ngày 23/12/2011 cho hộ ông Ngô Văn A, bà T yêu cầu xác định chia cho ông A 187m², chia cho bà D 187m². Thời điểm cấp giấy chứng nhận, hộ ông A gồm 08 thành viên: Ông A, bà D, chị D, anh T, anh C, anh T1,

chị L và cháu H.

Trong quá trình tố tụng, theo kết quả đo đạc thực tế của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Phú Đông, thửa đất 121 có diện tích $1342,8m^2$, giảm so với diện tích trong giấy chứng nhận. Do đó, bà T thay đổi yêu cầu, xác định phần tài sản của ông A được chia là $167,85m^2$ và phần tài sản bà D được chia là $167,85m^2$, tổng cộng là $335,7m^2$.

Ngoài ra, bà T yêu cầu ông A và bà D phải trả lại cho bà toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá với số tiền là 3.692.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Ngô Văn A và bà Nguyễn Thị Ngọc D vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng đồng thời không gửi văn bản trình bày ý kiến hay bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Theo biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Tuyết L trình bày:

Chị L là con dâu của bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Ngô Văn A và là thành viên trong hộ ông A. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì chị L không có ý kiến gì. Mọi việc do ông A và bà D quyết định.

Theo Văn bản số 20/CCTHADS ngày 30/11/2020, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông trình bày như sau:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông đang thụ lý thi hành Quyết định số 04/2018/QĐST-DS ngày 25/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông “Buộc ông Ngô Văn A và bà Nguyễn Thị Ngọc D, địa chỉ ấp B, xã P, huyện T phải trả cho bà Trần Thị T số tiền 18.440.000 đồng + lãi chậm thi hành án”.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng ông A và bà D vẫn không tự nguyện thi hành án. Qua xác minh thực tế tại địa phương cho thấy hộ ông Ngô Văn A có đang quản lý và sử dụng $1496m^2$ đất lúa, thuộc thửa 121, tờ bản đồ PTC4, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00603 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú Đông cấp ngày 23/12/2011. Chi cục Thi hành án huyện đã xác minh thành viên trong hộ tại thời điểm cấp đất gồm 08 người. Để đảm bảo quyền lợi cho các thành viên trong hộ (không phải là người thi hành án), ngày 03/9/2019 Chi cục Thi hành án dân sự huyện đã có thông báo cho các thành viên trong hộ tự thỏa thuận phân chia tài sản trong hộ hoặc khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu phân chia theo quy định tại Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2014. Tuy nhiên, hết thời gian theo quy định mà các thành viên không thỏa thuận cũng như không yêu cầu Tòa án phân chia. Ngày 14/10/2019, Chi cục Thi hành án dân sự huyện tiếp tục thông báo cho bà T là người được thi hành án thực hiện quyền khởi kiện.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông đề nghị Tòa án khi đưa vụ án phân chia tài sản trong hộ ông A và bà D ra xét xử thì xem xét chia cụ thể phần diện tích đất và vị trí phần đất mà ông

A và bà D được nhận trong khối tài sản chung để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kê biên, xử lý tài sản của ông A và bà D về sau.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông A, bà D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị D, anh T, anh C, anh T1 vắng mặt không lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị L có đơn xin vắng mặt. Bà Tỉnh là người đại diện của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông giữ nguyên ý kiến trình bày, đồng thời có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 09/3/2021.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *“Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự”* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông theo quy định tại khoản 12 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Xét thấy bị đơn ông Ngô Văn A và bà Nguyễn Thị Ngọc D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Ngọc D, anh Ngô Kim T, anh Ngô Văn C, anh Ngô Minh T1 vắng mặt không lý do, chị Nguyễn Thị Tuyết L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bà Tỉnh là người đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 09/3/2021. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T:

[3.1] Về quyền khởi kiện: Bà T là người được thi hành án theo Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 296/QĐ-CCTHADS ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông đối với người phải thi hành án là ông Ngô Văn A và bà Nguyễn Thị Ngọc D. Do ông A và bà D không tự nguyện thi hành án. Đồng thời, qua xác minh của Cơ quan thi hành án dân sự cho thấy hộ ông Ngô Văn A có đang quản lý và sử dụng 1496m² đất lúa, thuộc thửa 121, tờ bản đồ PTC4, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00603 do Ủy

ban nhân dân huyện Tân Phú Đông cấp ngày 23/12/2011. Chi cục Thi hành án dân sự huyện đã tiến hành xác minh và thông báo cho các thành viên trong hộ tự thỏa thuận phân chia tài sản trong hộ hoặc khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu phân chia tài sản trong hộ theo quy định. Tuy nhiên, hết thời gian theo quy định mà các thành viên không thỏa thuận cũng như không yêu cầu Tòa án phân chia. Ngày 14/10/2019, Chi cục Thi hành án dân sự huyện tiếp tục thông báo cho bà T là người được thi hành án thực hiện quyền khởi kiện. Do đó, việc bà T khởi kiện là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2014.

[3.2] Về yêu cầu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện, bà T yêu cầu xác định chia cho ông A $187m^2$, chia cho bà D $187m^2$ trong tổng số $1496m^2$ của thửa 121. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, theo kết quả đo đạc thực tế của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Phú Đông, thửa đất 121 có diện tích $1342,8m^2$, giảm so với diện tích trong giấy chứng nhận do chuyển sang đất giao thông thủy lợi và sai số do tính sai diện tích. Do đó, bà T thay đổi yêu cầu, xác định phần diện tích ông A được chia là $167,85m^2$ và phần diện tích bà D được chia là $167,85m^2$, tổng cộng là $335,7m^2$. Theo kết quả thu thập chứng cứ, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thấy thửa đất 121, tờ bản đồ PTC4 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú Đông cấp cho hộ ông Ngô Văn A vào ngày 23/12/2011. Đồng thời, vào thời điểm cấp giấy chứng nhận hộ ông A có 08 thành viên gồm ông Ngô Văn A, bà Nguyễn Thị Ngọc D, chị Ngô Thị Ngọc D, anh Ngô Kim T, anh Ngô Văn C, anh Ngô Minh T1, chị Nguyễn Thị Tuyết L và cháu Ngô Gia H. Bà T yêu cầu chia thửa đất 121 là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 209, Điều 219 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 131, Điều 179 Luật Đất đai năm 2013. Theo đó, phần diện tích được chia cho mỗi thành viên trong hộ là $1342,8m^2 : 8 = 167,85m^2$. Ông A và bà D có nghĩa vụ liên đới đối với bà T nên cần xác định chung phần diện tích chia cho ông bà để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Do đó, diện tích chia cho ông A và bà D là $167,85m^2 + 167,85m^2 = 335,7m^2$.

[4] Xét đề nghị của Cơ quan Thi hành án dân sự: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông đề nghị khi phân chia tài sản trong hộ ông A và bà D thì cần xem xét chia cụ thể phần diện tích đất và vị trí đất mà ông A và bà D được hưởng trong khối tài sản chung để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kê biên, xử lý tài sản của ông A và bà D về sau. Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông là phù hợp với quy định của Luật Thi hành án dân sự năm 2014. Mặt khác, qua xem xét, thẩm định tại chỗ và xác minh cho thấy, mặc dù theo giấy chứng nhận thể hiện loại đất là đất lúa nhưng thực tế thửa 121 là đất nền, hiện tại trên đất có 01 căn nhà và khu mộ. Tuy nhiên, các thành viên trong hộ ông A vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Để đảm bảo cho quá trình thi hành án, đồng thời đảm bảo quyền lợi của các thành viên trong hộ, Hội đồng xét xử nhận thấy cần xác định phân chia cho ông A và bà D là phần đất trống của thửa đất 121, không bao gồm nhà và mộ. Vị trí cụ thể của

phần đất 335,7m² theo mảnh trích đo địa chính ngày 01/7/2020 và Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/02/2021.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Toàn bộ chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là 3.692.000 đồng. Chi phí này do bà T tạm ứng. Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên việc bà T yêu cầu ông A và bà D phải trả toàn bộ chi phí nêu trên là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên ông A và bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 12 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 209, Điều 219 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 131, Điều 179 Luật Đất đai năm 2013; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2014; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Chia quyền sử dụng đất đối với thửa đất 121, tờ bản đồ PTC4, loại đất lúa, đất tại ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00603 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú Đông cấp cho hộ ông Ngô Văn A ngày 23/12/2011, qua đo đạc thực tế có diện tích 1342,8m². Chia thửa đất 121 làm 08 phần, trong đó phần diện tích chia cho ông Ngô Văn A là 167,85m², phần diện tích chia cho bà Nguyễn Thị Ngọc D là 167,85m², tổng cộng là 335,7m². Phần đất 335,7m² chia cho ông A và bà D có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp với phần còn lại của thửa 121, có chiều dài cạnh 23,17m.

Phía Tây giáp với thửa đất số 78 của ông Nguyễn Thanh D, có chiều dài cạnh 23,15m.

Phía Nam giáp với phần còn lại của thửa 121, có chiều dài cạnh 14,5m.

Phía Bắc giáp với thửa đất số 76 của bà Lê Thị H, có chiều dài cạnh 14,5m.

(Có sơ đồ, bản vẽ kèm theo).

Ông Ngô Văn A và bà Nguyễn Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá với số tiền là 3.692.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Ông Ngô Văn A và bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 49312 ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm